



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)  
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

JAN 18 1969  
LIBRARY

Xin dùng SẢN PHẨM do **VIỆT-TÂN HÓA PHẨM CÔNG-TY SẢN XUẤT**

# Hiệu BẠCH-HOÀ

**BỘT GIẶT (DÉTERGENT)**  
**THUỐC GỘI ĐẦU**  
**BỘT RỬA SẠCH**  
**XÀ BÔNG "ÉPONGE" THƠM**

**HÀNG VẢI CÁC LOẠI ĐƯỢC BẢO ĐẢM.**  
**KHÔNG GÁU KHÔNG NGỨA.**  
**CHÉN DĨA SẠCH BÔNG.**  
**DỤNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TÂM SANG NHƯ MỚI.**

**TỔNG PHÁT HÀNH SANH-XƯƠNG 98, LÊ QUANG LIÊM CHOLON Đ.T. 37096**  
**XUỞNG: 415, LỤC TỈNH CHOLON**

# 同奈文集

Jason  
AP95  
VGD678

nguyệt-san **ĐÔNG-NAI** Văn-Tập

năm thứ ba chủ nhiệm kiêm chủ bút : an cư quyền 20

nguyễn văn ngôn  
tiến sĩ, giáo sư đại học

Thử Đặt

# VĂN ĐỀ PHÁT TRIỂN

nhân đọc bài phê bình « sự thách đố của người mỹ »  
của ông Lý Chánh Trung



Thơ từ và bài vở, xin đề : Ông An Cư

393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo

SAIGON Librairie KHAI-TR

Giá nhứt định : 20\$

Bộ mới : số 9

15 tháng 8 năm 1968



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)  
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Bài vớ đều qua sự chọn lọc

**của ông AN-CƯ**

giảng viên Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm Cần thơ

— Giấy phép số 3974 TBTCH/BC 1 đề ngày 11-9-1967

**TIỆM TƯƠNG TÚ HÒA**

93, đường Chu văn An (Chợ Lớn)

⊗ Có bán sỉ và lẻ đủ thứ nước tương, chao, tương ớt, củ kiệu hảo hạng

*Quý Vị sẽ được vừa lòng*

tại nhà hàng **KIM-LONG**

51-53, đại lộ Tổng-đốc Phương (CHỢ-LỚN)

Điện-thoại : số 37.389

món ăn Quảng đông

**Tiếp đãi lịch sự châu đáo**

Kỳ tới (số 21)

**CHỈ MẶT ĐỂ QUỐC MỸ**

nguyệt san Đồng Nai Văn Tập

nguyệt-san

**ĐỒNG-NAI**

*Văn-Tập*

năm thứ ba

**PHÁT HUY VĂN HÓA DÂN TỘC**

quyển **20**

chủ nhiệm kiêm chủ bút : **an cư**

**TRONG TẬP 20 :**

Số trang

3    thử đặt vấn đề phát triển  
15    tinh thần để quốc mỹ  
35    hãy vùng dậy

nguyễn văn ngôn  
lê duy tâm  
quốc linh

Xin lưu ý :

gác lại một kỳ bài « Về quê tìm cò tích »

sơn nam

Ông Hồ Đắc Thăng nói : « cây viết chia ngay trước thế lực là đáng kính : hoặc nó bị bẻ gãy, hoặc nó tồn tại và viết những gì đáng viết ».

trong nguyệt san Đồng Nai Văn Tập quyển 19.

Bộ mới : số **9**

*Xuất bản mỗi tháng vào ngày 15*



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)  
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

CHÀNH  
CÂY

# PHÙNG HÍA

187-189, đường Nguyễn Trãi (Chợ lớn)

— Bán đủ kích thước ván  
và đòn tay cất nhà

— Có đủ loại gỗ

**DẦU, SAO, BẢNG LĂNG**

MUA BÁN THIẾT THÀ VÀ ĐỨNG ĐẪN

CHÀNH  
CÂY

# VĨNH THẠNH

631, đường Trần Quốc Toản (Chợ lớn)

(phía trong Quận Sáu)

— Chuyên bán **đòn tay, ván gỗ**  
**Huỳnh** dùng đóng thùng xe camion

— Và bán đủ thước tác **ván đòn tay**  
**gỗ Dầu, Sao**

## THỬ ĐẶT VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN

nhân đọc bài phê bình « Sự Thách Thức Của Người Mỹ »  
của ông Lý Chánh Trung

Bài của NGUYỄN VĂN NGÔN

Trước khi vào đề

Tôi chưa được hân hạnh đọc quyển « LE DEFI AMERICAIN » (Sự thách thức của người Mỹ) của J. J. Servan Schreiber, nhưng tình cờ đọc bài tóm lược và phê bình của Ông Lý Chánh Trung đăng trong Bách Khoa số 273 và 274. Qua bài này, tôi rất mến tác giả đã mạnh dạn nói lên tâm trạng một công dân ở nước thiếu mở mang đối với vấn đề phát triển kinh tế, mối lo âu chung của các quốc gia hiện nay. Tuy nhiên khi đọc hết bài phê bình đó, cảm nghĩ đầu tiên của tôi là không hoàn toàn thỏa mãn vì lẽ Ông đã đưa độc-giả đi đến nửa đường rồi bỏ rơi ở đấy. Chính vì lý do đó, mới có bài này nhằm bổ-túc bài phê bình của Ông. Ở đây, tôi không hề có ý muốn chỉ trích tác giả vì tôi đồng ý phần lớn quan điểm của Ông.

Vài nét về bài tóm lược và phê bình của  
Ông Lý Chánh Trung

Để dễ lập luận và phê-bình, trước hết tôi xin mạn phép chỉ tóm lược vài nét chính trong bài của Ông liên quan đến vấn đề phát triển mà thôi.

Trong quyển « Sự thách đố của người Mỹ », ông J. J. Servan Schreiber đã báo động cho Âu Châu hay sự xâm chiếm của người Mỹ về mặt kinh tế trên lục địa này. Theo Ông ấy muốn thoát khỏi sự xâm chiếm đó, Âu Châu phải tìm cách trở thành một lực lượng kinh tế mạnh như người Mỹ nghĩa là phải đuổi theo cho kịp người Mỹ bằng cách « áp dụng phương pháp phát triển của Mỹ ».

Sau phần tóm lược, Ông Lý Chánh Trung biểu lộ cảm tưởng đầu tiên của Ông là chán nản. Ông tỏ ra bi quan vì lẽ Âu Châu còn không đuổi kịp người Mỹ thì các nước thiếu mở mang « sức mảy » mà chạy theo. Từ chỗ bi quan đó, Ông tự an ủi : « Nếu không đuổi kịp thì có sao đâu, người Âu Châu (cũng như người ở nước « chậm tiến »), không hẳn kém hạnh phúc hơn, vì hạnh phúc theo Ông là « niềm vui » trong « ý thức hòa hợp ». Nền tảng sự hòa hợp này nằm trong nội tâm con người ; Vì vậy ta không cần phải đuổi theo Mỹ, mà chỉ cần « lựa chọn một cứu cánh khác, một phương thức khác cho sự tiến bộ của chúng ta » cốt làm sao « tạo cho mọi người một đời sống tốt và đẹp từ đây cho đến cuối thế kỷ ».

### **Con đường phát triển không nhứt thiết là**

#### **Con đường Âu Mỹ đã đi qua**

Tôi hoàn toàn đồng ý với Ông Lý Chánh Trung là con đường tiến bộ đối với các nước thiếu mở mang không nhứt thiết là con đường mà người Mỹ đã đi qua. Đây là một điểm hết sức quan trọng vì nếu không dứt khoát như vậy, người ta dễ bi quan và chán nản như khi Ông Lý Chánh Trung đọc xong quyển « Sự thách đố của Người Mỹ » của tác giả J.J Servan Schreiber. Hiện nay ở các nước thiếu mở mang chịu ảnh hưởng Âu Mỹ, đa số là các thị dân thường có khuynh hướng bắt chước nếp sống Âu Mỹ, từ mái đầu cho đến cách phục sức, cách trang trí nơi ăn chốn ở, minh định quan niệm phát triển khác hơn quan niệm phát triển của người Mỹ là một thái độ đáng khen.

Tuy nhiên, khi bác bỏ quan niệm phát triển của người Mỹ, Ông chỉ chủ trương « Sự phát triển của chúng ta phải hướng về việc xây dựng cuộc đời tốt và đẹp, chứ không phải chỉ nhằm sản xuất và tiêu thụ ngày càng nhanh càng nhiều ». Ông không nói rõ làm thế nào để « xây dựng cuộc đời tốt đẹp ấy », làm thế nào « chúng ta sẽ có lợi tức trên 4.000 đô la, sẽ có máy điện tử... ».

Tuy không nói rõ và mặc dầu che đậy, Ông Lý Chánh Trung đã cho ta thấy thái độ bi quan của Ông. Mức lợi tức 4.000 đô la, máy điện tử v.v..., Ông cho rằng ta sẽ có vào « một ngày nào đó, còn xa lắm ». Câu này đã tố giác thái độ đó. Với thái độ này, Ông tiêu biểu cho khuynh hướng phát triển theo quan niệm hạnh phúc mà tôi sẽ đề cập ở cuối bài.

Theo thiên ý, thái độ bi quan của Ông bắt nguồn từ hai sự kiện :

- 1) Về con đường phát triển
- 2) Về thái độ tinh thần

### **Con đường phát triển không nhứt thiết là**

#### **Con đường thẳng**

Về con đường phát triển, sau khi chỉ trích J.J. Servan Schreiber, Ông lại rơi vào cái sai lầm của chính Schreiber. Cả hai người đều mặc nhiên chấp nhận rằng con đường phát triển kinh tế của Mỹ là một con đường thẳng nghĩa là tin rằng nước Mỹ sẽ phon phon đi đến « thiên đường hậu kỹ nghệ » và sẽ mãi mãi ở thiên đường này. Thật ra, con đường phát triển không hẳn là con đường thẳng. Nhìn về quá khứ ta đã thấy nền kinh tế tư bản càng phát triển chừng nào, càng gặp nhiều khó khăn chừng nấy. Chẳng hạn như những cuộc khủng hoảng định kỳ, những cuộc cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia đi tìm thị trường tiêu thụ, những cuộc đình công, nổi loạn v.v... sẽ xảy ra khiến cho nhịp phát triển phải chậm lại, mực độ sản xuất giảm

sút v.v... Trong khi đó, có những quốc gia khác, những quốc gia trẻ trung hay những quốc gia phát triển sau sẽ vượt lên vì nhờ chưa đạt đến mức độ phát triển cực thịnh cho nên chưa gặp những khó khăn vừa kể.

Xét tình hình kinh tế các quốc gia tư bản hiện nay, ta sẽ thấy rõ điều đó hơn.

Ài cũng biết nền kinh tế Hoa Kỳ đang lâm vào tình trạng khó khăn. Giá trị đồng Mỹ kim đang bị lung lay. Rất có thể người ta đổ lỗi cho chiến tranh Việt Nam và nghĩ rằng chiến tranh này chấm dứt sẽ là một liều thuốc bổ cho nền kinh tế Hoa Kỳ, có tác dụng đưa nền kinh tế này thoát khỏi những khó khăn hiện đại. Nghĩ như vậy không hẳn sai nhưng cũng không hẳn đúng. Không hẳn sai vì quả thật chiến tranh Việt Nam về nhiều phương diện có ảnh hưởng tai hại cho nền kinh tế nước Mỹ. Hoa Kỳ phải đài thọ chi phí quân sự quá cao, làm cho áp lực lạm phát ở nước này càng thêm nặng nề v.v... Nhưng xét về nhiều phương diện khác, chiến tranh Việt Nam lại có lợi cho nền kinh tế nước Mỹ, hay nếu không lợi thì cũng không là nguyên nhân chánh làm suy yếu nền kinh tế đó. Nói một cách khác, dù cho chiến tranh Việt Nam có chấm dứt hay không, nền kinh tế Mỹ cũng vẫn gặp phải khó khăn như hiện nay. Tại sao ? Tại vì bất cứ nền kinh tế nào, khi phát triển cực độ, các yếu tố sản xuất, lần lần khan hiếm. Do đó nhịp sản xuất chậm lại, vật giá tăng lên, áp lực lạm phát càng đè nặng hơn nữa, ảnh hưởng bất lợi đối với cán cân thương mại. Hiện nay cán cân thương mại của Hoa Kỳ, tuy thặng dư nhưng số thặng dư đó càng ngày càng suy giảm. Điều này cho phép ta suy ra hai kết luận như sau :

1) Xuất cảng của Hoa Kỳ đã gặp nhiều khó khăn trên thị trường quốc tế.

2) Nhập cảng ngày càng gia tăng.

Hai điểm đó chắc chắn không phải do nguyên nhân chiến tranh mà ra. Nó bắt nguồn từ sự cạnh tranh trên thị

trường quốc tế và từ cơ cấu kinh tế của Hoa Kỳ dần dần tỏ ra không thích ứng với thời vận kinh tế quốc tế.

Trong khi đó, nền kinh tế Anh Quốc cũng đã bước vào giai đoạn suy đồi: cán cân thương mại và cán cân chi phó vốn hao hụt lại hao hụt thêm, giá trị đồng Anh kim, sau khi phá giá vẫn không gây được niềm tin trong các tầng lớp dân chúng.

Ở Pháp, nhịp phát triển cũng bắt đầu chậm lại. Nhiều khó khăn đã xuất hiện, song song với cuộc chỗi dậy của sinh viên và thợ thuyền.

Qua những thí dụ kể trên, tôi muốn nói từ đây đến cuối năm 2.000, không chắc gì nước Mỹ sẽ đến được thiên đường hậu kỹ nghệ. Quả quyết như vậy, hóa ra tôi đã nói ngược lại lời tiên đoán của Herman Kahn về sự tiến triển của người Mỹ tới xã hội hậu kỹ nghệ năm 2.000, tác giả mà theo Ông Lý Chánh Trung, Servan Schreiber đã viện dẫn. Tôi không dám nói rằng Kahn sai hay đúng vì không được đọc bản báo cáo của Ông. Mặc dầu khi tiên đoán như vậy, chắc chắn Kahn đã dựa vào những tài liệu thống kê chính xác, đã dùng những phương pháp toán học, khoa học tinh vi để đưa ra sự tiên đoán về tương lai phát triển của các quốc gia trên thế giới từ đây tới năm 2.000, Nhưng có lẽ Kahn đã không lư ý tới những biến chuyển về quân sự chánh trị v.v... trên thế giới; hay nếu có thì cũng không thể nào tiên liệu hết các dữ kiện có thể xảy ra. Do đó những tiên đoán của Kahn khó thành sự thật.

Hơn nữa, ngoài những lý do kinh tế đã trình bày ở trên, ta có thể dựa vào triết thuyết để nói rằng Hoa Kỳ, cũng như bất cứ quốc gia nào, không thể ở vào địa vị độc tôn mãi mãi. Xét quá trình tiến triển của nhơn loại từ xưa đến nay, ta đã thấy không có quốc gia nào phồn thịnh vĩnh viễn. Nền văn minh La Mã rực rỡ một thời rồi cũng sụp đổ. Gần đây nhất, vào đệ nhị hậu bán thế kỷ 19, Anh quốc đã chiếm một địa vị độc tôn về phương diện kinh tế,

thế mà ngày nay, địa vị đó lại thuộc về Hoa Kỳ. Biết đâu từ đây đến cuối thế kỷ, một sự kiện tương tự như vậy lại không xảy ra đối với Hoa Kỳ? Lý đương nhiên của cuộc đời là hết suy đến thịnh, hết thịnh đến suy. Ấu đó cũng là luật tuần hoàn của vũ trụ.

Ngoài ra, khi có nhiều quốc gia cạnh tranh với nhau, khó cho một quốc gia giữ địa vị độc tôn mãi. Pháp đã không ngớt phá Hoa Kỳ về mặt kinh tế. Ngoài Pháp, còn có Nga Sô, Trung Cộng v.v... cho nên trong tình thế hiện đại, một nước này tiến mau thì có nước khác cố tâm trì lại. Do đó, bao giờ các cường quốc còn xâu xé với nhau, các nước thiếu mở mang vẫn còn có hy vọng vươn mình lên được. Chỉ khi nào họ thỏa hiệp với nhau cùng chia thiên hạ để cai trị, chừng đó các nước thiếu mở mang có lý do để mà bi quan, chán nản. Vậy, về mặt đối ngoại, vấn đề chánh là phải biết lợi dụng mâu thuẫn nói trên để đưa quốc gia đến chỗ phú cường. Trường hợp này đã xảy ra với Nhật Bản và Tây Đức. Trong bài tiên đoán của Kahn, theo Ông Lý Chánh Trung, Nhật là một trong bốn quốc gia sẽ tiến tới « Xã hội hậu kỹ nghệ » từ đây đến cuối thế kỷ. Đó là tấm gương sáng đáng cho các nước thiếu mở mang noi theo.

Khi đọc Tam Quốc Chí, ai cũng nghĩ rằng thế nào một trong ba người : Lưu Bị, Tào Tháo hay Tôn Quyền sẽ gồm thâu thiên hạ hay ít ra cũng là con cháu của họ. Ai có ngờ giòng họ Tư Mã phát khởi sau mà rốt cuộc lại tóm thâu thiên hạ.

Cho nên ta không thể lấy chuyện phát triển trước hay phát triển sau mà so sánh để rồi dăm ra bi quan. Vấn đề chánh là khi hiểu được luật tuần hoàn của vũ trụ, ta phải làm thế nào để đưa nước nhà đến chỗ phú cường. Muốn đưa nước nhà đến chỗ phú cường, vấn đề không phải là dễ, nhưng cũng không phải là không làm được.

### Ba thái độ tinh thần làm cho nước nhà không phát triển

Điều quan trọng, theo thiên ý là phải có một thái độ tinh thần mới nhằm thay đổi cách tư tưởng và học hỏi. Nếu ta cứ giữ mãi thái độ tinh thần hiện nay, khó có thể tiến xa được. Thái độ tinh thần đó như thế nào? Tại sao không tiến xa được?

Hiện nay, ta có thể phân biệt ba thái độ tinh thần chính : *Một là thái độ thủ cựu, hai là thái độ vọng ngoại và ba là thái độ lưng chừng hay tiêu cực.*

Với thái độ thứ nhất, chúng ta thấy một số người lúc nào cũng khư khư giữ lấy những cái gì có tính cách cổ truyền vì cho đó là cái tinh túy, cái căn bản của xã hội ta ; từ quan niệm hôn nhân tới quan niệm lễ giáo, nhứt nhứt đều phải theo đúng truyền thống. Hôn nhân phải tới trước tình yêu và do cha mẹ định đoạt. Lễ giáo phải được tôn trọng nghiêm minh v.v...

Thái độ thứ hai là thái độ của những người có khuynh hướng bắt chước, tất cả những cái gì phổ thông ở ngoại quốc : làm như cái gì của ngoại quốc đều hay, đều tốt cả ; họ cho đó là cái tiêu chuẩn, mực thước phải theo : thấy người ngoại quốc để tóc dài, bắt chước để tóc dài, thấy họ phục sức như thế nào thì phục sức như thế ấy mà quên rằng cách phục sức để tóc v.v... đều biến chuyển từ dài đến ngắn, từ rộng đến hẹp hay ngược lại chớ cái dài không hẳn là tiến bộ hơn cái ngắn, hay cái rộng tiến bộ hơn cái hẹp hoặc ngược lại v.v... Trong hôn nhân, thì đòi tự do luyện ái. *Trong giáo dục thì xem văn bằng ngoại quốc có giá trị hơn văn bằng trong nước.* Có cần lập luận hay ăn nói như thế nào thì người ta thường nhắc đi nhắc lại rằng Khổng Tử đã nói, Sartre đã nói..., Marx đã nói..., Johnson đã nói.... Khuynh hướng này tiêu biểu cho tinh thần nô lệ kiến thức hay tiêu biểu cho món ăn tinh thần không tiêu hóa : ăn vào làm sao, nhả ra làm vậy. Các cụ nhà nho mình

khi xưa đã phí rất nhiều thì giờ nghiên ngẫm những áng văn thơ để rồi chỉ nhắc đi nhắc lại lời hay ý đẹp đó lúc « trà dư tửu hậu », Rồi ngày nay, biết bao người học của Âu Mỹ thế nào, về nước áp dụng y như thế ấy. Một vị kiến trúc sư học vẽ kiểu nhà ở Pháp thế nào, về Việt Nam cũng vẽ y một kiểu như thế. Một vị dược sư học cách bào chế thuốc Âu Mỹ như thế nào, khi tốt nghiệp cũng làm y như vậy. Ít người nghĩ tới việc dùng kiến thức của mình để tìm xem trong các cây cỏ của đất nước ta có những dược liệu gì, có những công dụng trị liệu gì hay trong các món thuốc Đông y của ta, có thể nào chế thành Âu dược hay không? Người ta sẽ biện minh là không đủ phương tiện. Nhưng đó chỉ là một cái cớ để che giấu một tinh thần thiếu sáng tạo, vì thật ra có bao giờ phần lớn các Vị ấy nghĩ tới việc sáng tạo như vậy đâu? Các vị Y sĩ, dược sĩ có bao giờ chấp nhận đồng y đâu?

Sự xung đột giữa hai thái độ mới và cũ đã khiến cho một số người có một thái độ thứ ba: không bình cũ, cũng không vọng ngoại. Thái độ đó là thái độ tiêu cực. Thái độ này sở dĩ có là vì không tìm ra được lối thoát giữa hai trào lưu cũ và mới. Muốn phá cũ nhưng lại không muốn nô lệ mới. Rồi họ tìm sống trong triết lý hay trong tôn giáo. Thái độ đó thể hiện trên bình diện kinh tế qua chủ trương phát triển theo quan niệm hạnh phúc, Theo quan niệm phát triển này mọi hoạt động trong xã hội đều nhằm thực hiện mục tiêu chung là thực hiện hạnh phúc của con người, Muốn tạo hạnh phúc cho con người, không nhất thiết phải tích lũy cho nhiều lợi tức hay tích lũy cho nhiều tài sản vì lợi tức hay tài sản nhiều khi không thể gây hạnh phúc cho con người. Có những người sống trong nhung lụa, đầy đủ tiện nghi, tiền tài thừa thãi, kẻ hầu người hạ, thế mà vẫn cảm thấy thiếu thốn một cái gì không tạo mãi được. Có nhiều người nằm ngủ trên nệm ấm chăn êm thế mà vẫn trằn trọc lăn lộn mãi trong khi ấy một anh xích lô nép mình trong chiếc xe con con dưới ánh nắng gay gắt mà vẫn ngủ say kỳ lạ.

Vào một lúc nào đó, họ cảm thấy đời sống chỉ là một khoảng trống to lớn mà tài sản không thể lấp bằng được. Phải chăng đó là hạnh phúc cá nhân? Phải chăng đó là sự thanh thản của tâm hồn? Trên bình diện quốc gia cũng vậy; không phải quốc gia phát triển nhiều, con người mới thấy hạnh phúc. Người dân ở nước thiếu mở mang thường cũng cảm thấy hạnh phúc thật sự, nào họ có cảm thấy đau khổ đâu? Trái lại ở những nơi mà kinh tế phát triển cao độ như Hoa kỳ, Tây Đức v.v... không phải ai ai cũng đều hạnh phúc, người ta vẫn không bằng lòng với nếp sống văn minh vật chất ấy, nhất là giới thanh thiếu niên thuộc phong trào hippy chẳng hạn,

Người ta có thể tìm thấy hạnh phúc trong sự an nhàn của thể xác, trong sự thanh thản của tâm hồn, trong sự thỏa mãn về tinh thần. Khảy một bản nhạc hay, nhấp một chén rượu ngon, sáng ngẫm hoa thưởng trà, chiều vọng nguyệt ngâm thơ, ôi đời sống như vậy thật là tuyệt diệu. Người ta có thể tìm thấy các thú vui đó mà không cần phải tốn kém nhiều. Nó không phải là một đặc thù của riêng. Hai nữa, con người có thể tìm thấy hạnh phúc trong không khí hòa thuận của gia đình, trong say sưa của tình thương. Sống trong khung cảnh như vậy, người ta vẫn cảm thấy sung sướng, vui vẻ dù thiếu ăn hay thiếu mặc.

Chủ trương phát triển theo quan niệm hạnh phúc trên đây, dường như cũng là của Ông Lý Chánh Trung, là một chủ trương khôn ngoan. Nhận thấy không thể nào đuổi kịp các nước tiên tiến, cho nên không đặt vấn đề theo đuổi nữa, mà chỉ cần nhằm cứu cánh con người để cải thiện hoặc để tạo hạnh phúc mà thôi.

Chủ trương đó rất hợp lý khi người ta không để ý tới các yếu tố khác mà chỉ lưu ý riêng yếu tố hạnh phúc. Làm như vậy nguy hiểm vì thường khi, nếu chỉ quan tâm đến hạnh phúc không thôi, người ta có thể tìm thấy hạnh phúc trong nô lệ hay trong sự lệ thuộc. Thật vậy, trong quan lực lượng giữa các quốc gia ngày

nay là một tương quan bất bình đẳng ; thế của kẻ mạnh, người yếu rất là rõ rệt. Các quốc gia thiếu mở mang thường bị áp đảo về phương diện kinh tế cũng như về quân sự, chánh trị. Ta không đủ khả năng để tự tạo cho mình một sự cố lập hay biệt lập hoàn toàn như Nga Sô đã làm khi cách mạng 1917 thành công. Do đó, muốn bảo vệ nền độc lập, ta không thể không phát triển kinh tế để có thể làm giảm bớt hay triệt tiêu tác dụng áp đảo của các quốc gia tiền tiến. *Như vậy, dù muốn dù không, cũng phải chấp nhận sản xuất nhiều, sản xuất nhanh, nhiều và nhanh hơn nhịp gia tăng dân số.*

### Phải có thái độ tinh thần mới

Để dọn đường tiến tới mục tiêu đó, trước hết phải có một thái độ tinh thần mới : *tinh thần sáng tạo và tinh thần thích ứng hóa.* Với tinh thần thích ứng hóa, ta có thể đem cái hay, cái tinh hoa của xứ người áp dụng vào nước ta, nhưng không phải áp dụng hoàn toàn giống như sử dụng món hàng nhập cảng. Trái lại, ta phải biết biến chế nó sao cho nó thích ứng với hoàn cảnh, địa lý xã hội của nước ta. Với tinh thần thích ứng hóa, ta sẽ biến máy cày nhập cảng thành máy cày thích hợp với cơ cấu điền địa Việt Nam. Cũng với thái độ đó, Ông kiến trúc sư sẽ không phải vẽ kiểu nhà hoàn toàn như kiểu nhà Tây hay kiểu nhà Mỹ nơi đã đào tạo ra Ông..., mà sẽ « *đế* » ra mẫu nhà thích hợp với phong tục, tập quán của gia đình Việt Nam. Thái độ thích ứng hóa tiêu biểu cho tinh thần bất khuất, tinh thần đồng hóa mãnh liệt, biến cái hay của người làm cái hay của ta. *Có tinh thần thích ứng hóa, ta không bao giờ chịu nó lệ ngoại bang.*

*Với tinh thần sáng tạo, ta xem giáo dục như gọi ý cho ta mà thôi và như vậy ta không chịu nó lệ kiến thức. Khi ở nhà trường ta học cách chế thuốc tây, ra trường với kiến thức đó, ta sẽ cố gắng sáng tạo các món thuốc khác*

*dựa trên sự tìm tòi các dược liệu nước nhà, Các học thuyết, các lý thuyết của người, trong tinh thần sáng tạo, chỉ đóng vai trò gợi ý để giúp ta sáng tạo, chứ không phải là một giáo điều bất di bất dịch có tính cách như một chân lý nhất nhất phải theo.*

Nhiều người sẽ cho rằng tập cho có một tinh thần sáng tạo rất khó. Nó đòi hỏi nhiều phương tiện ít người hội đủ. Nói như vậy có lẽ chưa hiểu được cái huyền diệu của khối óc con người, một bộ máy sáng tạo phi thường vượt cả không gian và thời gian. Chỉ cần ta có nghĩ tới việc sáng tạo, chỉ cần ta nuôi dưỡng một tinh thần sáng tạo, là khối óc sẽ giúp ta thực hiện điều đó dễ dàng.

Nếu mỗi người trong mỗi lãnh vực đều có tinh thần thích ứng hóa và tinh thần sáng tạo, không lo gì nước ta không tiến vượt bậc. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải bắt buộc ai ai cũng đều có tinh thần như vậy. Chỉ cần một số đông người, càng đông càng hay, là được.

Muốn như vậy, điều quan trọng cần phải thi hành ngay là cải tổ nền giáo dục nhằm gây cho học sinh, sinh viên cái thái độ tinh thần mới đó. Không cần bắt họ phải học thuộc lòng quá nhiều, chỉ cần cho họ hiểu các bài, các môn học. Trong việc thi cử, vấn đề chánh là soát lại xem họ có hiểu được như vậy hay không. Chương trình giáo dục phải phát huy sáng kiến của học sinh, sinh viên, phát huy tinh thần sáng tạo và trí thông minh của họ. Khi còn đi học, nếu họ không bị nó lệ kiến thức, khi ra đời, trong nếp sống hằng ngày, họ cũng sẽ không bắt chước một cách nô lệ nếp sống của ngoại quốc trong hành động cũng như trong tư tưởng.

*Với tinh thần thích ứng hóa và sáng tạo, ta sẽ không bị ràng buộc bởi thói quen cũng không phải khur khur ôm lấy cái nếp cổ lỗ, thời, cũng không phải chạy theo ngoại quốc để rồi cảm thấy mình luôn luôn thua kém thiên hạ,*



cũng không tiêu cực, bi quan chán nản để chủ trương một nếp sống phi vật chất, phi thực tế và phản tiến bộ, mà không tránh khỏi bị áp đảo.

Với tinh thần thích ứng hóa và sáng tạo, ta sẽ không đặt vấn đề đuổi theo các nước tiền tiến nhưng tự nhiên ta sẽ đuổi kịp vậy.

NGUYỄN VĂN NGON

Xưởng Kỹ nghệ

# VĨ ĐẠI

237/8, đường Lý Thành Nguyên (CHỢ LỚN)

- Chuyên in trên thiết và làm hộp thiết.
- Các hộp thiết dựng nhót đủ cỡ của hãng Shell và Esso đều do bản xưởng làm.

## TINH THẦN ĐỂ QUỐC MỸ

hay Người da đen bên Mỹ

● Bài của LÊ DUY-TÂM

LỜI TÒA SOẠN : Chúng tôi mời Quý Độc Giả đọc bài « Tinh thần để quốc Mỹ » của Lê Duy Tâm, để thấy những hành động của Mỹ đi từ sự dục dồ, sự xảo trá đến sự tàn bạo, vô nhân đạo, miễn là đạt được những tham vọng của họ, rồi chúng ta cùng quay về trầm tư xét đoán đến manh tâm và chánh sách của Mỹ trong căn nguyên « chống Cộng, bảo vệ tự do » của họ ở Việt Nam. Liên Xô và Trung Cộng là chúa trùm Cộng sản, thì Tổng thống Johnson và chánh phủ Mỹ lại « chạy mặt » như gà, lại rình rập một ngàn lẻ một cơ hội để « xích gàn », để « cải thiện » mối bang giao, điều đó, không những với Liên Xô, mà gần đây, cả với Trung Cộng nữa. Người Việt Nam có tinh thần dân tộc chân chánh, đứng mức, với tình cảm và lý trí sáng suốt của mình, không làm sao không suy nghĩ để dẹp bỏ những ý tưởng tương phản và thù địch với nhau, cùng nhau tìm một con đường thỏa đáng, không đánh nhau nữa.

AN CU'

●  
Kể từ ngày Ông Martin Luther King bị ám sát, người ta đã thấy xuất hiện trên báo chí Việt Nam một loạt bài về sự kỳ thị chủng tộc và thân phận người da đen bên Mỹ.

Bài này không theo thời thượng đó mà chỉ nêu lên một vấn đề lúc nào cũng thời sự đối với 200 triệu người da trắng và đen trên nước Mỹ mệnh mông mà diện tích (không kể Alaska và Hawaii) gần rộng bằng Âu châu. Lịch sử người da đen trên đất Mỹ cũng bắt nguồn suýt soát cùng lúc với lịch sử của nước mà sau này người ta kêu là Hiệp chủng quốc Mỹ.

Chiếc tàu đầu tiên chở những người nô-lệ da đen đến Mỹ quốc là một thương thuyền Hòa lan đã đổ bộ tại Virginia năm 1619. Trước đó tại châu Mỹ người Tây ban nha cũng đã từng chuyên chở nô lệ trên thương thuyền của họ được hằng trăm năm rồi. Những thủy thủ người Anh cũng đã tham dự vào việc buôn bán nô lệ này trước khi họ bắt đầu định cư tại châu Mỹ. Sau những bước đầu chậm chạp, việc buôn nô lệ tại nước Mỹ trở nên phần thịnh. Những nhà tư bản Anh và Mỹ, những gia đình quyền quý như quý tộc, linh mục, các hoàng thân trong nghề buôn và các chánh trị gia bên Anh đều đầu-tư những số vốn khổng lồ vào ngành thương mại này và đã kiếm được những món lời to tát. Chánh phủ Anh lúc đó bảo vệ triệt để quyền lợi của giới doanh thương này.

Ba mươi năm sau, khi những người nô-lệ da đen đầu tiên được đem vào Jamestown, thuộc Virginia, năm 1619, số nô lệ tại bang này chỉ có khoảng 300. Nhưng kể từ năm 1713 khi nước Tây ban nha nhượng quyền chở nô lệ da đen từ Phi châu qua các thuộc địa của họ cho các tàu Anh thì ngành kinh doanh nô lệ phát triển vượt bực. Trong khoảng từ năm 1713 đến 1780, số nô-lệ được chuyên chở ước định là 20.000 một năm. Năm 1771 có cả thảy gần 200 tàu Anh được dùng để chở nô-lệ từ Phi châu qua Thế giới Mới, đa số những tàu này xuất phát từ các thành phố Liverpool, London và Bristol. Liverpool là thành phố mà sự phần thịnh tùy thuộc nhiều nhứt vào ngành chuyên chở nô lệ; trong lúc đó nhiều thành phố khác bên Mỹ, như Newport thuộc bang Rhode Island chẳng

hạn, cũng phát triển nhờ sự kinh doanh đó. Những người Puritans Anh đến lập-nghiệp tại châu Mỹ là những người thực tế. Tuy họ đã rời bỏ mẫu quốc để đi tìm tự do ở Thế giới Mới, họ không nghĩ nhiều đến tự do của người da đen khi họ hằng hái gia nhập vào hàng ngũ những thương gia buôn nô lệ. Mỗi lợi tài chánh bao giờ cũng làm câm lặng tiếng nói của lương tâm. Việc buôn nô lệ càng ngày càng phát đạt cho nên đến lúc cách mạng Mỹ nổ bùng năm 1776 thì số người da đen trong các tiểu bang miền bắc lên đến chừng 40.000, còn ở miền Nam thì khoảng 700.000.

Như vậy nô lệ đã trở thành một định chế trong toàn nước Mỹ. Điều khác biệt là ở miền Nam nô lệ da đen được dùng làm việc ngoài đồng, như trồng thuốc lá, gạo, bông vải v.v., còn ở miền Bắc thì đa số được dùng để giúp việc trong nhà. Nhưng dần được dùng làm gì thì trước đó họ cũng đã bị bắt trong những hoàn cảnh tương tự như nhau tại Phi châu. Họ bị lừa xuống các hầm tàu hơi hám và ngột ngạt vì không cửa sổ như đàn bò. Nếu hết nước, hoặc hết lương thực hoặc bệnh dịch phát khởi trong chuyến đi thì họ bị xô xuống biển hết bất luận còn sống hay chết rồi.

Đó là lối đối xử giữa người Anh và người da đen vào thế kỷ 17, thế kỷ đã phát sanh ra Shakespeare trong nền văn học Anh đang bắt đầu sáng chói. Vừa ra khỏi thời Trung Cổ được chừng một thế kỷ, con người vẫn còn giữ một phần sự man dã mà văn minh không xóa được. Trong lịch sử Anh, những người Puritans và ngay cả kẻ đối lập với họ là người Cavaliers nữa cũng đều có một thái độ tương tự như nhau về vấn đề nô lệ hóa con người bất luận màu da. Chính Cromwell, một nhà độc tài Puritan, đã nói người Ái nhĩ lan rất thích hợp với thân phận nô lệ. Cũng chính những người Puritans này sau đó di cư qua châu Mỹ để tránh sự trả thù của phái Hoàng gia Anh bị lật đổ bởi Cromwell. Trước khi buôn nô lệ da đen, người Anh đã từng buôn chính họ làm nô lệ rồi.

Những người da trắng nô lệ này, được gọi là « *gia nhân khế ước* » (indentured servants), làm việc cho chủ họ bên châu Mỹ trong một thời hạn là mấy năm và sau đó được tự do đi lập nghiệp khi mãn hạn khế ước. Nhiều người trong số này kể cả đàn ông, đàn bà, trẻ con bị bắt cóc đem xuống tàu rồi chở đi mà họ không biết nơi nào. Nhiều người khác là tội phạm mà các quan tòa Anh muốn tống khứ đi khỏi xứ. Hàng ngàn người khác nữa bị tấn công trên các đường phố Anh và lôi xuống tàu để bán qua Mỹ. Đó là những người da trắng bị bán làm nô lệ trước khi người da đen Phi châu đến thế số phận họ.

Thừa hưởng cái truyền thống kinh doanh tự do và buôn bán bất cứ gì miễn là có được nhiều tiền đó của người Anh, những người Mỹ đầu tiên chấp nhận định chế nô lệ như là một sự kiện tất nhiên. Một số ít có thực sự lo ngại về nó, nhất là khi Bản Tuyên Ngôn Độc Lập năm 1775 khơi mào cho cuộc Cách mạng Mỹ với những lý tưởng cao thượng như « *tất cả mọi người được tạo ra bình đẳng, và Tạo Hóa đã ban cho họ những quyền thiêng liêng, trong số những quyền này có quyền sống tự do và sự mưu cầu hạnh phúc* ». Chế độ nô lệ rõ rệt đã là sự phỉ báng những nguyên tắc cao thượng này và đã làm cho Jefferson, Washington ưu tư nhiều. Jefferson run sợ cho nước Mỹ vì Thượng đế công bằng và sự công bằng đó không mê ngủ lâu. Washington cầu nguyện cho chế độ nô lệ bãi bỏ vì nó chà đạp lên nhân phẩm và đe dọa sự sống còn của liên bang. Từ đó trở đi vấn đề nô lệ không ngớt được bàn đến trong chánh trường và càng ngày càng làm chia rẽ hai miền Nam, Bắc mà nền kinh tế được xây dựng trên những căn bản hoàn toàn dị biệt. Tại miền Bắc, nhất là New England, đồng ruộng nhỏ hẹp, đá sỏi nhiều vì đất núi, canh nông không phát đạt lắm. Cho nên dân chúng sống nhiều trên miền duyên hải gồ ghề nơi bờ biển phần nhiều là đá hiểm trở. Nông dân miền này thường chỉ trồng trọt được mỗi năm từ 90 đến 180 ngày nên họ phải xoay qua trồng cây ăn

trái, rau cải, và chăn nuôi bò sữa, heo, gà. Phần đông dân sống miền duyên hải hướng ra biển để sanh sống. Họ săn cá voi, và phát triển ngoại thương bằng đường biển. Do đó nhiều hải cảng và thành phố chuyên đóng tàu với vật liệu sẵn có trên rừng. Ngoại thương càng phát triển thì càng mở mang kỹ nghệ biển chế với những nguyên liệu mua được ở ngoại quốc. Ngoài ra, nguyên liệu sẵn có trong nước như mỏ sắt và than đá trong vùng núi Alleghenies cũng được khai thác. Các thành phố kỹ nghệ do đó khuếch trương sự thịnh vượng bằng cách chế tạo đồ dùng, máy móc và nhiều sản phẩm khác. Thành phần lao động ở miền Bắc phần đông gồm thợ thuyền chớ không có bao nhiêu nông dân. Đó là những điểm dị biệt căn bản với những sắc thái kinh-tế miền Nam.

Mãi cho đến gần cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, miền Nam là một khu vực kinh tế nông nghiệp với rất ít kỹ nghệ. Với đất đai rộng-rãi, phì nhiêu, nhất là vùng lưu vực sông Mississippi, với mùa canh tác dài hằng năm, miền Nam là nơi sản xuất rất nhiều thuốc lá, lúa gạo, và bông vải. Việc canh tác đòi hỏi nhiều nhân công mà lúc mới lập quốc nước Mỹ không có đủ mặc dầu hằng năm số di dân từ lục địa Âu châu qua vẫn gia tăng đều-đặn. Vì vậy mà phát sanh ra việc buôn nô lệ người Phi châu, vì người da đen dễ sai bảo hơn người da trắng. Trong những đồn điền bông vải miền Nam người nô lệ da đen là tài sản của chủ nhân da trắng. Họ sống trong nhà do chủ cấp, được chủ nuôi nấng và cung cấp thuốc men khi đau ốm, nhưng không được đi xa. Con cái của họ cũng là tài sản của chủ, nghĩa là cũng nô lệ như cha ông chúng. Tuy là một thành phần cốt yếu trong nền kinh tế nông nghiệp người nô lệ vẫn chỉ là người nô lệ, không hưởng được kết quả của sự lao động của mình mà chỉ làm giàu cho chủ đồn điền.

Chế độ nô lệ làm nổi loạn lương tâm một số người miền Bắc, nhất là trên bình diện đạo đức. Họ không thể

chấp nhận được định chế người bóc lột người mặc dầu nó hợp pháp đối với miền Nam. Họ cho rằng chế độ nô lệ là vi hiến và vô nhân đạo. Sự chỉ trích này đụng chạm đến sự sống còn của miền Nam và khiến cho người miền Nam phần uất, trả đũa lại rằng sự bóc lột lao động, như ngày làm việc quá dài, lương bổng chết đói, và việc dùng nhân công đàn bà và trẻ con, các nhà ổ chuột (ghetto) tại các thành phố kỹ nghệ, sự sa thải bừa bãi và những điều kiện làm việc tồi tàn tại miền Bắc cũng không phải đạo đức gì hay nhân đạo gì hơn. Dầu sao sự gây gổ giữa hai miền chung quanh vấn đề nô lệ đã đe dọa ngay đến nền kinh tế của miền Nam, nơi sự sống còn tùy thuộc ở nhân công để làm việc nông nghiệp, nơi mà nhân công da đen không được dư dả lắm, và nơi mà các dân di cư từ Âu châu không bèn mảng tới. Trong lúc miền Bắc hô hào bãi bỏ nô lệ thì miền Nam cực lực bênh vực nó vì bãi bỏ nô lệ là tự sát kinh tế.

Vấn đề nô lệ từ đó trở thành một vấn đề chia rẽ hai miền Nam Bắc nhứt là khi yếu tố chánh trị chen vào giữa những yếu tố đạo đức và kinh tế. Sự tranh giành ảnh hưởng của hai miền trong việc thu nhận thêm các tiểu bang vào liên bang đã gây sôi nổi trong chánh giới. Miền Bắc muốn rằng bất cứ tiểu bang mới nào được thâu nhận cũng phải là một tiểu bang « *tự do* » nghĩa là không được dùng chế độ nô lệ. Miền Nam thì cho rằng không thể ép buộc một tiểu bang mới theo « *tự do* » hay theo « *nô lệ* », mà phải để chính tiểu bang đó tự quyết định lấy. Năm 1808 quốc hội cấm buôn nô lệ nên việc nhập cảng dân da đen ngưng hẳn. Nhưng lúc đó thì dân số da đen đã gia tăng quá nhiều rồi. Trước Cách mạng Mỹ năm 1776 thì tại năm tiểu bang Georgia, Virginia, Maryland và hai Carolina Nam và Bắc, số dân da đen bằng hoặc nhiều hơn số dân da trắng. Tại Delaware và Pennsylvania một phần năm dân số là người da đen. Tại New York cứ sáu người thì có một người da đen và trong vùng New England thì cứ năm

mười người có một người da đen. Ngày nay tỷ lệ da đen là 12% dân số nước Mỹ.

Sự mâu thuẫn giữa hai miền Nam Bắc càng ngày càng trầm trọng và đã bùng nổ trong cuộc Nội chiến 1861-1864. Vấn đề nô lệ thực ra chỉ là một nguyên nhân rất nhỏ, một khía cạnh lu mờ của chiến tranh mà lý do chánh là sự thao túng chánh trường và chánh quyền của lớp quý tộc nô lệ miền Nam. Đầu tháng giêng năm 1863, Tổng thống Lincoln giải phóng nô lệ « *trong những vùng đã cầm súng chống lại chánh phủ liên bang* », tức là miền Nam. Nhưng kể từ đó sự tranh đấu giành dân quyền của người da đen chỉ mới bắt đầu thôi. Sau khi cuộc Nội chiến chấm dứt, tất cả mọi người da đen đều được phóng thích khỏi tình trạng nô lệ. Họ được tự do đi lại và không còn là vật sở hữu của chủ nhân nữa. Chánh phủ kế tiếp Tổng thống Lincoln sau khi ông bị ám sát lo kiến thiết lại đất nước và tiếp tục việc sáp nhập những người da đen vào đời sống chung của quốc gia. Người da đen được giúp đỡ về phương diện chánh trị và kinh tế. Họ có người đại diện trong quốc hội và cơ quan lập pháp của các tiểu bang. Nhưng đó chỉ là bề mặt, còn thực trạng thì không có gì đáng khích lệ cho lắm. Những dân biểu da đen phần đông ngờ nghếch bị các chánh trị gia vô lương tâm của miền Bắc xuống xúi giục và các chánh trị gia xôi thịt miền Nam lợi dụng, đã lần lần khiến cho những người da trắng phần nộ. Họ không thể dùng bá đạo đối với người da đen theo kiểu xưa nữa, nghĩa là công khai đánh đập, hành quyết vô tội vạ, vì bây giờ người da đen theo luật pháp không còn là nô lệ nữa. Nhưng họ có cách khác, cũng bá đạo không kém và tàn ác tinh vi hơn : Đó là *những đoàn hội kín mà danh tiếng như nhóm còn lưu lại trong tổ chức Klu Klux Klan*.

Những tổ chức này nắm luật lệ trong tay, đe dọa, khủng bố và sát hại những người da đen để họ sợ mà không dám đòi thực thi những quyền mà một công dân da trắng được hưởng và theo luật pháp họ cũng được hưởng.

Biết rằng người da đen tin dị đoan và sợ ma quái, bọn da trắng của tổ chức KKK cải trang thành hình ảnh ma quỷ, mặc đồ trắng phủ dài xuống chân, đầu phủ một chóp nón cao nhọn cũng màu trắng, chỉ chừa hai lỗ cho hai mắt. Họ xuất hiện trong đêm khuya giữa lúc mọi người đều an giấc, kéo đến nhà nạn nhân da đen của họ, đập cửa, lôi nạn nhân ra, đánh đập hoặc giết đi rồi biến dạng trong đêm tối trước khi nhân viên luật pháp được báo động. Nhờ sự khủng bố đó, họ đã làm cho dân da đen khiếp sợ và càng ngày càng từ bỏ những quyền công dân của mình.

Klu Klux Klan và những tổ chức tương tự khác như « The Knights of the White Camelia » (những Hiệp sĩ Bạch Trà Hoa) chủ trương tranh thủ lại chủ quyền chánh trị mà bọn quý tộc thôn dã miền Nam đã mất đi sau khi tướng miền Nam Robert E. Lee đầu hàng tướng Ulysses S. Grant miền Bắc. Chủ quyền đó bị những người da đen mới hôm nào còn là nô lệ nay nắm giữ vì họ chiếm đa số trong nhiều tiểu bang miền Nam. Hơn nữa trong thời kỳ Kiến thiết sau Nội chiến, những người Cấp tiến nắm quyền ở Washington cũng muốn triệt hạ uy thế kinh tế và chánh trị của miền Nam nên họ hết sức bảo vệ quyền đầu phiếu của người da đen là những người chịu ơn chánh phủ liên bang và những người điều khiển chánh phủ đó. Do đó đối với người da trắng bại trận miền Nam việc thu hồi lại uy thế chánh trị phải gồm có việc đánh gục ảnh hưởng của nhóm Cấp tiến (đảng Cộng Hòa) tại lãnh thổ của chính mình. Muốn đạt được mục đích này còn có gì hơn là đánh ngay vào thành phần ủng hộ đảng Cộng Hòa: người da đen? Cho nên năm 1867 đã xuất hiện hội Klu Klux Klan mà nguyên do thành lập, theo một nhà báo miền Nam là « chế độ hà khắc cay nghiệt lờn vờn như một cơn ác mộng bao trùm các tiểu bang miền Nam ».

Thực ra, sự hà khắc của miền Bắc chỉ là một cơ thuận tiện để cho những kẻ kỳ thị miền Nam loại trừ ảnh hưởng chánh trị đang chớm nở của người da đen. Bằng cách hăm

dọa, đánh đập, giết chóc, Klu Klux Klan đã ngăn được người da đen sử dụng quyền bầu phiếu của mình. Nói chung ít có người da đen nào, trước những nguy cơ đến tánh mạng như vậy, dám liều lĩnh sử dụng lá phiếu của mình mặc dầu có sự bảo vệ của chánh phủ liên bang. Sau khi dọa được người da đen không đến phòng phiếu, người da trắng miền Nam bắt đầu dùng những phương tiện pháp lý thay vào phương pháp bạo động.

Tu chánh án XIV của Hiến pháp Mỹ nói rằng « tất cả mọi người sanh trưởng tại nước Mỹ và sống dưới thẩm quyền của nước này là công dân của nước Mỹ và của Tiểu bang trong đó họ sống. Không Tiểu bang nào có thể làm và thi hành luật nhằm hạn chế quyền của công dân nước Mỹ ». Và Tu chánh án XV còn rõ rệt hơn: « Nước Mỹ và các Tiểu bang đều không được ngăn cấm sử dụng hoặc hạn chế quyền bầu phiếu của các công dân nước Mỹ vì lý do chủng tộc, màu da hoặc tình trạng nô lệ trước đây ». Không dám thách thức Hiến pháp, người da trắng miền Nam tìm cách gián tiếp tước quyền bỏ phiếu của người da đen mà không làm suy giảm uy thế chánh trị của giống Caucasian (da trắng) bằng cách ghi vào Hiến pháp các Tiểu bang một điều khoản rất khôn khéo đòi hỏi mọi cử tri phải biết đọc một mục trong hiến pháp tiểu bang hoặc phải hiểu và giải thích nó khi nhân viên đầu phiếu đọc nó lên. Người da đen nào qua được kỳ « khảo sát » này có thể bị điều khoản về không thiếu thuế và hữu sản chặn lại. Để giúp những người da trắng thất học và nghèo lợt được các điều khoản này, các nhà phát minh dựng nên một điều khoản mạng danh là « grandfather clause » (liên quan đến đời cha ông) theo đó thì một cử tri không đủ điều kiện học vấn và tài sản có thể được bỏ phiếu nếu họ, hoặc cha hay ông họ đã bỏ phiếu trước năm 1867 hoặc trong năm đó. Dĩ nhiên không có người da đen nào thực sự bỏ phiếu trong hoặc trước năm 1867, nên điều khoản chỉ để giúp người da trắng nghèo và dốt mà thôi.

Mặc dầu điều khoản về cha ông bị Tối Cao Pháp Viện sau này hủy bỏ, những biện pháp ngăn cấm khác cũng rất hiệu quả. Một ví dụ là tại tiểu bang Louisiana, có tất cả 127.000 cử tri da đen có tên trong danh sách năm 1896; hai năm sau đó, khi hiến pháp tu chính được áp dụng thì số cử tri này chỉ còn có 5.300.

Về phương diện xã hội, người da đen cũng không khá quan gì hơn. Tại các tiểu bang miền Nam họ không được vào tiệm ăn, rạp hát hay xe buýt của người da trắng. Tất cả những nơi công cộng đều riêng biệt cho hai màu da, và người da đen nào liều lĩnh vi phạm tập quán sẽ bị cảnh sát nhắc nhở bằng dùi cui, xe cây và lao tù.

Ngày nay tình trạng trên không còn nữa, nghĩa là trên bình diện luật pháp người da đen có quyền đi trên xe buýt, vào tiệm ăn và rạp hát của người da trắng hay của bất cứ ai, miễn là những nơi đó để phục vụ cho công cộng. Nhưng đó là luật của liên bang tức là của chánh phủ tại Washington mà mỗi tiểu bang có bổn phận phải thi hành. Dĩ nhiên, vì không có một tổ chức cảnh sát quốc gia, việc thi hành luật được giao phó cho chánh quyền tiểu bang với hệ thống cảnh sát riêng biệt của tiểu bang. Nếu chánh quyền và dân chúng địa phương chống lại luật của quốc gia thì việc thi hành nó cũng bị chèn ép nếu không nói là dẹp bỏ đi. Như trường hợp tiệm ăn tại miền Nam, chẳng hạn. Người chủ tiệm ăn da trắng không chịu dọn ăn cho khách hàng da đen, viện lẽ với tư cách chủ tiệm y có quyền muốn bán cho ai tùy ý. Nhưng luật liên bang rất rõ rệt về vấn đề này: tiệm ăn là nơi phục dịch quần chúng chứ không phải nhà riêng, vậy phải chiêu đãi tất cả các khách hàng. Người da đen muốn buộc người da trắng phải thi hành luật quốc gia tại miền Nam đã tổ chức những cuộc phản kháng bất bạo động như kéo nhau vào ngồi chập tiệm ăn của người da trắng và đòi được dọn ăn. Dĩ nhiên chủ nhân từ chối dọn cho người da đen, một phần vì khách hàng da trắng không thích ngồi chung với

người da đen, và kêu cảnh sát đến giải tán, cho đó là một cuộc biểu tình ngay trong nhà buôn bán của mình. Cảnh sát, mà đa số là da trắng đến ra lệnh mọi người giải tán. Người da đen từ chối và bị bắt đưa về bó t về tội cãi lời giải tán của cảnh sát. Mỗi lần như vậy họ cũng được thả ra sau khi trả một số tiền phạt vạ.

Năm 1958 chánh phủ liên bang ký luật hủy bỏ vấn đề kỳ thị trong các trường học, và bắt buộc tất cả trường nhà nước phải thâu nhận học sinh không phân biệt màu da. Dĩ nhiên người da trắng miền Nam phản đối và không chịu thi hành luật. Ngày tựu trường một đám đông người da trắng tụ tập tại cổng trường để hành hung học sinh da đen và không cho chúng nó vô trường. Quân Bảo An đã phải hộ tống một vài học sinh da đen lẻ tẻ mà cha mẹ có can đảm cho vào trường da trắng bắt chấp những lời đe dọa. Ở một nơi khác cha mẹ người da trắng tẩy chay trường học có học sinh da đen và đi lập trường mới cho con họ. Đó là những khó khăn của việc sáp nhập các trường học. Ngay đến ngày nay tỷ lệ học sinh và sinh viên da đen tại các trường phần đông là da trắng cũng rất nhỏ, đa số học sinh da đen vẫn đi học trường dành riêng cho mình.

Về phương diện tìm việc làm, người da đen cũng vấp phải những khó khăn lớn lao. Chủ nhân hoặc các xí nghiệp phần đông thâu nhận nhân viên da trắng mặc dầu có một ứng viên da đen có khả năng đã đến xin việc trước. Nhiều xí nghiệp bảo rằng người da đen đến xin việc thường không có khả năng nên họ không thâu dụng được. Sự thật thì nếu phần đông người da đen không có khả năng bằng người da trắng thì đó là vì họ không được giáo dục đầy đủ, hậu quả tất nhiên của chánh sách kỳ thị giáo dục của người da trắng. Lại một lần nữa luật lệ cấm việc kỳ thị trong khi thâu dụng nhân viên để áp dụng chung cho các xí nghiệp và công sở. Như tại các công sở, nơi bảng yết thị người ta thấy treo một tờ giấy khuyến cáo

« bạn hãy tố cáo bất cứ trường hợp kỳ thị hay lạm dụng nào trong việc xin chỗ làm mà bạn là nạn nhân v.v... ». Nhưng trên thực tế một người da đen bị kỳ thị hoặc ít có bằng cứ hoặc ít có can đảm hoặc ít có thì giờ để tố cáo. Đại để nếu người da đen được việc làm thì hầu hết là công việc tay chân thấp kém ít lương. Ví dụ như trong một cửa hàng lớn « department store » người da đen làm lao công quét dọn, khâu vác hoặc làm bồi bàn trong quán ăn « cafeteria » của cửa hiệu. Rất ít người da đen được mướn vào các chức vụ cao hơn.

Nhà ở là một vấn đề gay go khác mà người da đen là nạn nhân. Nói chung những khu nhà cho mướn nào mà người da trắng ở thì người da đen không thể đến ở được. Người viết bài này được biết trường hợp của một cô nữ y tá người da đen sắp được qua phục vụ tại Việt Nam. Cô ấy về thủ đô Washington để học một ít tiếng Việt trước khi đi nên cần nhà ở. Cô đọc báo tìm được phòng cho mướn, kêu điện thoại lại để giữ phòng và hẹn ngày giờ đến ký hợp đồng mướn. Đúng ngày giờ hẹn cô đến văn phòng để ký giao kèo thì được nhân viên tại đây cho biết là phòng đã cho mướn rồi. Cô ngạc nhiên nói tại sao đã hẹn nhau trong điện thoại rồi bây giờ lại nói khác thì được trả lời hững hờ là « rất tiếc, nhưng phòng đã có người vừa mướn xong ». Đó không có gì lạ, vì khi cô đến văn phòng nhân viên tại đây mới biết cô là da đen. Câu chuyện này không phải xảy ra 10 hay 20 năm về trước mà vào năm 1967 giữa lúc phong trào dân quyền của người da đen đã trở nên sôi sục và sau khi đã xảy ra nhiều cuộc bạo động về chủng tộc tại các đô thị lớn. Vì chính sách nhà ở do người ta thấy một hiện tượng xã hội mà khuynh hướng đã mạnh nham từ nhiều năm nay. Đó là việc người da đen dời về trung tâm đô thị để ở tại các khu nhà cũ xấu và người da trắng dời ra ngoại ô nơi đất rộng và nhà cửa khang trang mới được dựng lên. Việc tập trung vào giữa đô thị một thành phố đông đảo dân vừa nghèo vừa bị

kỳ thị đã gây ra những vấn đề xã hội trầm trọng. Tỷ lệ phạm pháp và bạo động tăng vọt, không phải vì người da đen có khuynh hướng phạm pháp mà vì sự chênh lệch và bất công giữa trắng và đen quá gay gắt khiến cho sự bất mãn dần có bị đè nén cũng có lúc tìm được cơ hội nổ bùng. Sống giữa sự thịnh vượng chung quanh, người da đen thấy mình bị bỏ rơi bên lề sinh hoạt của xã hội và mang thân phận một kẻ lưu đày ngay trên chính nơi mà họ gọi là quê hương.

Cuộc tranh-đấu đòi dân quyền của người da đen là sự mỉa mai của lịch sử. Tại một nước mà bản tuyên ngôn độc lập long trọng xác nhận « mọi người đều được tạo ra bình đẳng và được Tạo hóa ban cho những quyền bất khả xâm phạm như quyền sống, sự tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc », người da đen đã nhìn thấy tất cả những quyền đó bị tước đoạt một cách công khai và hợp pháp. Người da đen không bình đẳng với người da trắng; quyền sống của họ, cho đến đầu thế kỷ 20, vẫn tùy thuộc vào mấy tổ chức kín như Klu Klux Klan, hay vào sự tùy thích của người da trắng miền Nam; tự do của họ dừng lại tại những nơi công cộng mà người da trắng lui tới; và sự mưu cầu hạnh phúc của họ bị hạn chế bởi chính sách kỳ thị về giáo dục, tuyển dụng nhân viên và nhà ở.

Mặc dầu vậy sự tranh đấu của họ trong vòng pháp lý và trong khuôn khổ của hiến pháp cũng đã là một tấm gương kiên nhẫn vô bờ bến. Những tổ chức lãnh đạo tranh đấu của họ dùng nhiều phương pháp khác nhau, đi từ bất bạo động như của Ủy ban Lãnh đạo Thiên chúa giáo miền Nam (Southern Christian Leadership Committee) của cố Mục sư Martin Luther King qua sự ôn hòa của Đại hội Bình đẳng các Chủng tộc (Congress of Racial Equality) đến sự quá khích của các tổ chức có tinh thần quốc gia cực đoan như đoàn Báo Đen (Black Panthers) chẳng hạn. Một biến chuyển có ý nghĩa trong mấy năm gần đây là nhiều tổ chức tranh đấu cho dân quyền của người da đen đã

chuyển từ đường lối ôn hòa trật tự qua đường lối bạo động và quá khích, mặc dầu khi chuyển hướng như vậy những tổ chức này đã mất bớt một phần cảm tình của những người da trắng trước đây vẫn ủng hộ họ. Một ví dụ điển hình là sự chuyển hướng của Ủy ban Phối hợp Sinh viên Bất bạo động (Student Non Violent Coordinating Committee). Tổ chức này trước đây đặt dưới sự điều khiển của Stokeley Carmichael, một sinh viên quá khích đã từng kêu gọi người da đen hãy đốt rụi nước Mỹ. Rap Brown, người kế vị, cũng là một lãnh tụ quá khích đã có nhiều thiện cảm với chủ nghĩa xã hội và chủ trương tranh thủ quyền hành cho người da đen (black power).

Đại để, các tổ chức da đen đã bắt đầu nhìn thấy sự chậm chạp của đường lối tranh đấu hợp pháp. Từ ngày được long trọng giải phóng ngày 1-1-1863, người da đen vẫn chưa hưởng được những quyền căn bản mà hiến pháp và luật pháp nhìn nhận cho mọi công dân nước Mỹ. Và sự tranh đấu của họ càng trở nên quyết liệt hơn kể từ ngày cố Tổng Thống Kennedy nói rộng sự chấp nhận người da đen vào cộng đồng xã hội. Nhiều người Mỹ da trắng đổ lỗi cho Tổng Thống Kennedy đã gián tiếp khuyến khích cho người da đen tranh đấu quyết liệt hơn mới có tình trạng căng thẳng như ngày nay. Sự tranh đấu này đã tạo nên một ý thức mới về sức mạnh của phương pháp bạo động như là nhân tố đánh tan bức tường kỳ thị. Hằng năm kể từ sau vụ bạo động tại khu Watts ở Los Angeles năm 1964, cứ đến mùa hè nóng bức là các đô thị lớn của Mỹ sống hồi hộp trong mối đe dọa của một cuộc bạo động về chủng tộc. Lúc đó khi hậu nóng bức trong nhà khiến cho nhiều người da đen ra đường phố. Lúc đầu một số trẻ con chơi nghịch liệng đá vào nhà cửa hoặc xe cộ hay làm náo động một khu phố để giải trí. Kế đó cảnh sát được kêu đến để giải tán và dùng vài biện pháp tàn bạo. Sau đó người lớn phản ứng lại bằng cách la ó, liệng đá và biến thành một cuộc bạo động càng lúc càng lan rộng ra các đường phố khác. Những cửa hàng nhứt là của người da trắng bị

đập cửa kiếng và bị cướp bóc. Mỗi lần như vậy là lưu đạn cay, dùi cui và súng đạn lại có dịp bay tới tập về phía những người bạo động. Trong cuộc bạo động tại Detroit (Michigan) năm 1967, 46 người chết phần đông là da đen. Tại Newark (New Jersey) cũng như tại Detroit cùng mùa hè năm 1967 nhiều khu phố đã bị thiêu hủy và thiệt hại lên đến hằng triệu đô la.

Trên đồng tro tàn của nhiều thành phố, nhiều người Mỹ da trắng đã suy nghĩ về giải pháp mạnh mẽ chống lại bạo động. Họ đã nhìn thấy sự bất lực của sức mạnh trước phong trào càng ngày càng sôi sục đã làm cho lương tâm họ không còn an nghỉ nữa. Một số người da trắng, phần đông trong giới giáo chức đại học và các giáo hội, có thiện cảm rõ rệt với người da đen trong thân phận của họ. Những người còn lương tâm này không đồng ý với đa số những người da trắng khác về cách đối xử và thái độ của xã hội đối với người da đen. Họ nhìn thấy sự giả đạo đức trong hành động của xã hội và nói lên tiếng nói của lý trí, lòng nhân và công lý. Ít ai nghe họ nói hay cho rằng họ có lý, đa số cho rằng người da đen lầm lỗi khi bạo động. Sau những vụ bạo động tại Detroit và Newark đã nói ở trên, người viết bài có dịp tìm hiểu thái độ và lý luận của một số người da trắng tại thủ đô Washington. Một cô thư ký hỏi : « Anh nghĩ gì về sự bạo động của người da đen » ?

Tôi nói : « Không ở trong hoàn cảnh của những phe đình liú trong các cuộc bạo động, tôi không thể nào hiểu thấu được những cảm xúc, lý luận và lập trường của mỗi phe. Nhưng tôi không lên án bạo động một cách dễ dãi như bao nhiêu người khác, mặc dầu biết rằng hậu quả của nó là sự thiệt hại tài sản và sinh mạng của nhiều người. Muốn hiểu được tình trạng hiện tại, người ta phải vượt qua sự kiện trực tiếp là sự đốt phá, cướp bóc và xáo trộn trật tự công cộng, đi sâu hơn vào nguyên do đã đưa đến những hành động đó. Dĩ nhiên không một thành phần xã hội nào lại bạo động nếu không có lý do hay hoàn cảnh để



bạo động. Nếu tôi giàu có và chánh phủ binh vực và bảo vệ tài sản và tánh mạng của tôi, thì tôi không đại gì bạo động, vì chánh phủ đó rõ rệt là « của » tôi. Vậy tôi chỉ bất mãn khi nào chánh phủ đó không bảo vệ quyền lợi của tôi, của giai cấp tôi. Nhưng không phải mỗi lần bất mãn là mỗi lần bạo động. Bản tánh con người là thà chịu đựng một chế độ hà khắc bao lâu còn chịu đựng được còn hơn là bạo động mà chưa chắc hậu quả sẽ tai hại đến đâu cho mình. Nghĩ như vậy tôi không lên án sự bạo động của người da đen là hành động phạm pháp của những phần tử có khuynh hướng làm tội ác. Tôi nghĩ rằng hoàn cảnh phải đến độ nào, thân phận của họ phải đen như thế nào và sự bất công mà họ là nạn nhân phải trầm trọng như thế nào, người da đen mới bạo động. Hơn nữa bạo động lại là một con dao hai lưỡi vì nó có thể khơi động một phản ứng bất lợi của người da trắng. Người da trắng thường nhấn mạnh đến luật lệ và trật tự nhưng người da đen lại nghĩ nhiều đến công bằng xã hội hơn. Như mục sư King đã nói : « Người Mỹ rêu rao mình đi tranh đấu cho tự do cách đây 10.000 dặm trong lúc ở nhà người da đen không được hưởng tự do đó ». Tôi nghĩ : « nếu xã hội da trắng đừng áp bức và bạc đãi người da đen thì làm gì có tình trạng bùng nổ như ngày nay. Nếu người da đen được hưởng tất cả những quyền mà hiến pháp và luật pháp bảo đảm cho mọi công dân nước Mỹ thì họ đâu còn lý do gì để tranh đấu cho dân quyền nữa. Và nếu họ được hoàn toàn chấp nhận vào cộng đồng quốc gia thì họ đâu có đòi thiêu rụi nước Mỹ làm gì ».

Một sinh viên năm thứ hai trường Đại học Princeton nói với tôi : « Người da đen phần đông kém năng khiếu trí tuệ hơn người da trắng. Họ học chậm, làm dở, lười biếng và ham hưởng thụ hơn là cải thiện đời sống của họ bằng sự làm việc. Rồi họ đổ lỗi cho người da trắng là không chấp nhận họ. Nhưng ở một xã hội mà sự cạnh tranh ác liệt như xã hội Mỹ, mỗi cá nhân phải có khả năng, phải chứng minh giá trị của mình nếu muốn được chấp

nhận. Người da đen phần đông kém khả năng và học thức nên dĩ nhiên ít được chấp nhận. Đó không phải là lỗi của người da trắng mà là của chính người da đen. Vì bẩm sinh họ là một giống người thấp kém, như kết quả các cuộc trắc nghiệm tâm lý và trí khôn chứng minh ». Anh sinh viên này là một người sinh trưởng trong một gia đình khá giả, trong cái mà người Mỹ gọi là « xã hội thịnh vượng » (the affluent society). Anh tiêu biểu cho thanh niên « ngoan » của Mỹ, đại diện cho chế lập chánh thống (the Establishment), đầy thiện chí nhưng là *tù nhân của một nếp suy tưởng đã hóa thạch* ». Thành kiến của anh là thành kiến của đẳng cấp của anh, hay đúng hơn là của những người da trắng đã lên đến địa vị thống trị.

Mặt khác, một đại úy Thủy quân Lục chiến góc Ba Lan — nghĩa là cũng thuộc thành phần thiểu số — đã nói với tôi : « Tôi không thích những người da đen bạo động. Theo tôi thì bạo động, cướp bóc, đốt nhà là hành động phạm pháp và phải được ngăn chặn bằng võ lực. Người da đen nói họ tranh đấu cho dân quyền, nhưng tranh đấu không phải là đốt nhà cướp của. Họ đòi hỏi nhiều quá. Quốc Hội đã thông qua rất nhiều luật để cho họ quyền bình đẳng với mọi người, chánh phủ đã khởi xướng những chương trình cứu trợ và giúp đỡ họ như dạy nghề, trợ cấp (Job Corps, Project Headstart) và đã làm luật sáp nhập học đường cho đen trắng được học chung với nhau, và nhiều nữa. Tôi không hiểu họ còn đòi gì nữa mới được. Họ muốn nhiều quá và muốn quá sớm. Dầu sao nước Mỹ cũng tương đối quá trẻ, không quá 360 năm, mọi việc cũng phải để từ từ chờ. Họ nói họ bị kỳ thị, nhưng họ đâu phải là những người duy nhất bị kỳ thị. Biết bao nhiêu người da trắng khác, như là người Ái Nhĩ Lan, Ba Lan và gốc từ các nước Đông Âu, cũng bị kỳ thị vậy. Nhưng mấy người da trắng đó có bạo động đâu, và họ có được hưởng cứu trợ, giúp đỡ của chánh phủ đâu. Cái tình trạng khốn đốn của người da đen là do chính họ gây ra, vì

họ không chịu khó, không ưa làm việc, chỉ thích nằm nhà ăn cho hết tiền cứu trợ rồi mới chịu đi làm. Họ ở đâu là phá khu xóm thành ra nơi tời tàn, rồi đổ lỗi cho chánh phủ, cho người da trắng là họ bị nhốt trong các khu nhà ổ chuột (ghetto). Đối với những người không chịu cứu lấy mình thì ai mà thêm cứu cho ». Viên đại úy này là một người trong số những dân tộc thiểu số, đã từng nếm trải sự kỳ thị của những người da trắng gốc Anglo-Saxon, nhưng không cho rằng kỳ thị là một vấn đề. Đối với họ xã hội Mỹ vẫn còn chỗ cho những người có đủ trí năng để vươn lên, cho nên bạo động là sai lầm. Điều viên đại úy này không nói tới là nếu những người da trắng thiểu số cũng bị kỳ thị thì cũng chỉ trong thể hệ đầu tiên hoặc cùng lắm là thế hệ thứ nhì mà thôi. Sau đó thì con cháu họ, vì là da trắng, được chấp nhận ngang hàng với bao nhiêu trẻ khác và khi chúng lớn lên không còn dấu vết gì của sự kỳ thị sơ khởi mà cha ông chúng là nạn nhân cả. Trái lại người da đen đầu đã mang tên Anh từ lâu và không biết gì về nguồn gốc Phi châu của mình, lúc nào cũng mang màu da mình như là một vết nhơ để cho mọi người đều thấy và gớm ghiết. Đối với người da trắng, một người da đen có bằng cấp tiến sĩ cũng chỉ là một người da đen (Negro), nhưng một tiến sĩ da trắng, đầu là gốc thiểu số, là một tiến sĩ da trắng.

Về phía người da đen, nhận xét của họ phần đông đều giống như nhau, nhưng họ chưa hẳn thống nhất về đường lối hành động, cũng như về mục tiêu tranh đấu. Họ nhận xét rằng những biện pháp mà người da trắng dùng để giúp đỡ họ là để trấn an lương tâm của chính người da trắng và có tánh cách bố thí. Họ không cần bố thí, họ cần tự lập để khẳng định giá trị của con người họ. Một số chỉ muốn được chấp nhận như là bình đẳng với những người khác trong xã hội Mỹ, muốn hòa đồng vào đó để sống vì họ cũng hãnh diện làm người Mỹ. Nhưng một số khác, mà hàng ngũ càng ngày càng đông đảo, bắt đầu chối bỏ sự liên kết với người

da trắng, khẳng định mình như là người da đen kỳ thị với người da trắng mong thành lập một quốc gia đen tại nước Mỹ và hãnh diện với di sản Phi châu của mình. Những lãnh tụ có tinh thần quốc gia này mặc sắc phục Phi châu trong mấy buổi đại hội, học và nói tiếng Swahili, một ngôn ngữ thông dụng tại trung Đông Phi châu, và tranh đấu cho uy quyền của người da đen (black power). Sự kiện này là phản ứng tất nhiên của một thiểu số mạnh sống trong sự kềm kẹp của một đa số áp bức.

Hình như người da đen đã thấy rõ tương lai của lối tranh đấu ôn hòa để đòi những quyền căn bản mà người da trắng coi là tất nhiên được hưởng từ khi mới ra đời. Lối tranh đấu đó chỉ đưa tới những sự bố thí, đặc ân, ơn nghĩa, « thông cảm » mà người da trắng « ban » cho một cách miễn cưỡng chậm chạp. Đường lối bạo động thì gây thương tích hoặc thiệt hại sanh mạng và tài sản nhưng có sức mạnh cảnh tỉnh khôn lường và thúc đẩy mọi người hành động. Dầu thế nào, người quan sát cũng nhận thấy rằng người da trắng thường hay tự mãn, không chịu nhìn nhận lỗi lầm của mình và chừng thức tỉnh thì mới chịu hành động. Xã hội Mỹ có lẽ sẽ còn là một xã hội kỳ thị chủng tộc trong một thời gian lâu dài sắp tới.

Với truyền thống nghi kỵ người ngoại quốc khác màu da và một thái độ đã hóa thạch về sự siêu đẳng của giống « Aryan » (một huyền thoại lỗ bích vì không có giống Aryan nào cả), người Mỹ da trắng chỉ hoan nghinh những dân di cư từ các nước Bắc Âu mà thôi (trừ Ai Nhĩ Lan) và không ưa thích các di dân từ Đông Âu. Di dân từ Á châu thì lại càng bị thù ghét hơn nữa. Nhiều, rất nhiều người Mỹ còn có một thái độ hẹp hòi buồn cười hơn nữa là nước Mỹ phải dành cho người « Wasp » (chữ tắt của mấy tiếng Anh : white Anglo-Saxon protestant) nghĩa là người Anglo-Saxon da trắng và đạo tin lành. Những ai không thuộc vào mấy hình dung từ đó thì không phải là người Mỹ chánh thống. Cho nên người ta chứng kiến nhiều sự kỳ thị chống

lại người da đen, người Tàu, người Nhật, người Ái Nhĩ Lan Công giáo, và người Do Thái. Rõ rệt là thái độ đó không có vẻ gì là khoan dung và quảng đại, mặc dầu tham vọng của người Mỹ cho đến ngày nay cũng vẫn tạo một nước Mỹ bình vực cho tự do, một thiên đàng của những người bị đào thải, bị áp bức, bị chà đạp, những người nghèo khổ, những người không ai muốn. Nhưng khoảng cách giữa điều ước muốn và thực tế là cái gì đau nhức, mỉa mai, bi hài. Những người lý tưởng muốn xóa đi khoảng cách đó, nhưng phần đông thì quá bảo thủ để có thể trở nên minh triết hơn. Cái tội của họ là cái tội khổng lồ của kiêu hãnh. Lịch sử Mỹ là một câu chuyện thắng lợi thường xuyên nên họ ít chịu nhận rằng mình lầm, và không thể nào chấp nhận sự thất bại. Nhưng bao giờ con người còn là con người thì không có dân tộc nào thành công mãi mãi và có lý mãi mãi. Sự kỳ thị chủng tộc là một sai lầm, nhưng thay vì thắng thắn nhận lỗi lầm đó người Mỹ tìm cách tự bào chữa, chối quanh. Ngày thơ hơn nữa, họ nêu lên tình trạng kỳ thị ở các nước khác để chứng tỏ rằng họ không phải là nước duy nhất có vấn đề đó, như thể hễ hải tội người khác ra thì tội mình không còn nữa vậy.

Vi thái độ đối với các chủng tộc khác như vậy nên người ta có thể tự hỏi bao giờ tại nước Mỹ mới có một chính sách hòa đồng và bình đẳng chủng tộc. Dĩ nhiên người Mỹ da trắng đang tìm cách giải quyết vấn đề da đen của họ bằng nhiều cách, do những đòi hỏi của thực tế thúc đẩy nhiều hơn là do lý tưởng. Họ là những người thực tế, nghĩa là họ lấy sự thành công để đo chân lý của một sự kiện. Ví dụ nếu trong lúc giải quyết vấn đề da đen họ nhận thấy việc dùng bạo lực thành công, thì việc dùng bạo lực là việc hợp lẽ phải, đúng và nên làm. Nếu nó không thành công thì họ tìm một giải pháp khác. Tất cả những hiểu biết của họ nhằm phục vụ quyền lợi của người da trắng và duy trì quyền bá chủ của họ ở khắp nơi trên thế giới. Nguyên tắc và lý tưởng phải đi sau quyền lợi. Do đó thái độ của họ

đối với người da đen trong nước họ có thể phản chiếu ra trong thái độ và chính sách của họ đối với các nước ngoài, trong đó có cả Việt Nam không may của chúng ta.

Khoảng cách giữa lý tưởng và thực tế là cái gì con người không bao giờ xóa được bất luận đã đạt tới trình độ văn minh nào, như là khi đã phát minh ra vũ khí có thể giết hàng triệu người một lúc. Vấn đề da đen chung qui cũng là một sắc thái của vấn đề rộng lớn hơn là sự bạo động giữa người và người mà ta có thể chứng kiến hằng ngày ngay trên đất nước khốn nạn của chúng ta. Có lẽ vì lẽ đó mà các lãnh tụ da đen chống chiến tranh tại đây, cũng như những ai còn lương tâm cũng thế. Ta hãy cầu nguyện cho lương tâm đừng chết hẳn trong lòng người.

LÊ DUY TÂM

---

*Nhân xem phim « Paris brule-t-il ? »*

## Hãy vùng dậy

**Bài của QUỐC LINH**

— Lâu lắm tại Saigon mới có chiếu phim về thể chiến thứ hai. Đề tựa phim là : « Ba Lê có bị thiêu hủy hay không ? », nội dung mô tả giai đoạn quân xâm lược Đức chiếm đóng Ba Lê, sau khi quân lực đồng minh mở cuộc đổ bộ vĩ đại tại bờ biển Normandie của Pháp, lập được một đầu cầu hùng mạnh để dồn đuổi quân Đức vào đường cùng.

Chuyện phim dài hơn hai tiếng đồng hồ, được thực hiện khá hấp dẫn, với một số đóng tài tử thượng hạng đóng các vai chính yếu. Nhưng, tánh chất hấp dẫn của cuốn phim không phải do sự có mặt những tài tử nổi tiếng, mà chính là do nơi ý nghĩa của nó :

Thảm bại quá nhiều trên khắp các mặt trận, Hitler nhận biết cái thế nguy khốn của ông và quân đội Đức quốc xã, lại vừa thoát khỏi một cuộc mưu sát, Hitler cáu giận, điên cuồng, nên chọn một tên tướng tin cậy giao phó nhiệm vụ trấn giữ BaLê. Hitler ra lệnh cho tướng này phải hết sức cứng rắn đến tàn ác đối với dân chúng Ba Lê. « *Hễ một lính Đức bị bắn chết thì hai mươi con tin người Pháp cũng sẽ bị bắn ngay để trả đũa* ».

Sự giết chóc dã man này làm cho người Việt nam phải thắc mắc và đau khổ khi liên tưởng đến đồng bào của chúng ta ở nông thôn miền Nam này, nơi nào có quân lính Nam Hàn đồn trú và mỗi khi một binh sĩ Nam Hàn bị giết.

Hơn thế nữa, nếu tình thế không cho phép giữ được Ba Lê thì phải phá hủy, san bằng cả thành phố đẹp đẽ này, kể cả những công trình mỹ thuật và lịch sử của dân tộc Pháp.

Tên tướng Đức thi hành đúng mệnh lệnh của Hitler. Nhưng dân chúng Ba Lê (lúc bấy giờ chừng 3 triệu người) nhất quyết vùng lên chống lại quân Đức xâm lược và chính phủ bù nhìn do Pétain lãnh đạo dưới quyền sai khiến của Đức. Hầu hết các cảnh sát viên Ba Lê đều bỏ việc, cùng với dân chúng đủ mọi giới, mọi thành phần, chiếm trụ sở Cảnh sát trung ương, tất cả các bót Cảnh sát nội thành và tất cả các công sở. Trang bị bằng một số vũ khí của quân đồng minh thả dù xuống, dân chúng Ba Lê tự sáng tạo thêm một số vũ khí, chất nổ đặc biệt, đồng lòng nổi dậy, tổ chức đánh du kích ngay giữa thành phố, làm cho quân Đức phải điên đầu. Mặc dầu quân Đức ra lệnh giới nghiêm toàn diện suốt ngày đêm, không cung cấp đủ thực phẩm và tiện nghi đời sống, dân chúng Ba Lê vẫn can đảm chịu đựng gian khổ, các tổ chức du kích vũ trang vẫn anh dũng chiến đấu với lòng hy sinh cao độ.

Để làm kế hoãn binh, quân Đức và chính phủ bù nhìn Pétain cho xe phóng thanh đi kêu gọi hưu chiến. Trong thời gian này, nhận biết thực lực quá yếu của mình, e

không đủ vũ khí, đạn dược chống chọi với quân Đức lâu ngày, Ủy ban kháng chiến trong Chính phủ lâm thời Pháp cử một sĩ quan cải dạng thường dân thoát khỏi thành phố đi kêu gọi quân đồng minh phải tấn công để giải phóng Ba Lê; nếu chậm trễ, quân Đức sẽ thiêu hủy cả thủ đô Pháp và tàn sát cả 3 triệu dân Pháp còn sống trong đó. Tướng Le Clerc, lúc bấy giờ theo quân đồng minh, đã cùng quân đội Mỹ đặt chân lên đất Pháp, được giao phó nhiệm vụ chỉ huy cuộc tấn công khẩn cấp vào thành phố Ba Lê.

Trong nội thành, dân chúng Pháp vẫn tiếp tục đánh du kích, tấn công nhiều đoàn quân thiết giáp của quân Đức, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đồng thời cả sư đoàn thiết giáp của tướng Le Clerc, gồm toàn quân đội Pháp kháng chiến, ồ ạt tấn công từ ngoài vào. Quân Đức thảm bại, phải đầu hàng vô điều kiện, trước khi thi hành lệnh của Hitler là phải hủy diệt toàn thể Ba Lê. Tướng Le Clerc và đoàn quân Pháp kháng chiến tiến vào Ba Lê trước sự đón tiếp hết sức hân hoan, nồng nhiệt của 3 triệu dân chúng Ba Lê và đoàn quân du kích Pháp nội thành. Tướng De Gaulle từ Anh quốc trở về, đi dạo trên những đường phố Ba Lê, giữa hàng triệu người Ba Lê hát vang bản quốc ca Pháp và hét lớn niềm hân hoan tột độ trong ngày vinh quang tung bùng giải phóng Ba Lê.



Nội dung cốt chuyện của một giai đoạn chiến tranh hầu hết đều giống nhau, không có tánh chất mê ly, éo le, rùng rợn. Nhưng riêng phim « Ba Lê có bị thiêu hủy không ? » có một giá trị đặc biệt trong nhiều khía cạnh.

Xem phim này, khán giả bất cứ nơi đâu đều phải nhìn nhận và thông cảm lòng yêu nước cao độ của dân chúng Ba Lê cũng như dân chúng Pháp nói chung. Lòng yêu nước cao độ đó là mối lửa nóng bỏng sôi sục trong lòng dân tộc Pháp uất giận, căm phẫn đối với quân ngoại bang xâm lược. Uất giận và căm phẫn cao độ biến thành hành

động cụ thể là sự vùng dậy đồng loạt không phân biệt giai tầng xã hội, phái nam phái nữ, tuổi tác, không sợ hãi những gian khổ, hy sinh. Những hành động cụ thể — chỉ những hành động cụ thể — đã đưa đến thắng lợi, vinh quang.

☉ Người xem không thể không khâm phục chí cương quyết của những chiến sĩ du kích dũng cảm của Ba Lê, xuất phát từ dân chúng, biết trước rằng nổi dậy cầm súng chiến đấu với quân đội Đức quốc xã hung hãn, tàn ác là một điều tối nguy hiểm, nhưng họ vẫn hành động, vẫn gia nhập cuộc nổi dậy, kháng chiến chống kẻ thù ngoại bang là phát xít Đức. Một em bé làm giao liên đem đạn cho các chiến sĩ. Một bà già gần đất xa trời thỏa thuận cho quân kháng chiến dùng nhà mình để tiêu diệt một ổ kháng cự của quân thù. Những người đàn bà, tay yếu chân mềm tham gia tích cực cùng nam giới, chống lại kẻ thù chung... Tất cả những hình ảnh đó làm cho người xem cảm động và suy nghĩ nhiều.

Từ những sự kiện vừa kể hiện lên một chân lý : Dân tộc nào cũng có lòng yêu Tổ quốc hết sức sâu đậm, lòng yêu nước của dân tộc được thử thách cao độ hơn hết là khi có một kẻ ngoại bang đến xâm chiếm Tổ quốc mình, tước đoạt mọi quyền tự do, dân chủ, bóp nghẹt mọi sinh hoạt trong đời sống của mình. Nếu lòng yêu nước chỉ thụ động, ngấm ngấm trong tim óc, không được phát lộ bằng những hành động cụ thể, thì kẻ thù không dễ gì chấp nhận sự bại trận và đầu hàng. Nói một cách khác, **yêu nước tất phải hành động, phải cương quyết chống lại kẻ thù cướp nước và những người mệnh danh dân tộc đem bán rẻ quê hương cho ngoại bang xâm lược.**

— Cuộc nổi dậy của dân chúng Pháp chống quân Đức hoàn toàn thắng lợi, tuy có nhờ sự tấn công từ phía ngoài vào, vẫn cho thấy rằng trước hơn ai hết, chính dân chúng Ba Lê phải nổi dậy, và nhờ sự nổi dậy đó mà cuộc tấn công từ ngoài vào được dễ dàng hơn. Điều này phù hợp

với phương ngôn : « tự cứu mình trước đã và người khác sẽ cứu mình ». Nói một cách khác, muốn giải phóng quê hương, người công dân chân chính yêu nước phải có hành động cụ thể, chứ nhất thiết không nên trông cậy hoặc lệ thuộc sức mạnh quân sự nước ngoài. Vì trước hơn hết, người yêu nước chân chính ý thức đầy đủ rằng cuộc chiến đấu của mình có chánh nghĩa. Chính nghĩa có là một chân lý : **yêu nước thì phải chống quân cướp nước và bán nước**, chống bằng hành động cụ thể, dưới mọi hình thức (chớ không thể chống bằng mồm).

— Quân đội kháng chiến Pháp, dưới sự chỉ huy của tướng Le Clerc, nóng lòng tiến công vào Ba Lê, tiêu diệt quân Đức để giải phóng thủ đô nước mình. Họ nóng lòng một phần vì nơi đó có bà con ruột thịt, bạn hữu, người vợ, người tình đang ngóng chờ họ. Nhưng họ cũng biết rằng khi tiến quân vào Ba Lê tất nhiên sẽ gặp sự chống cự của quân Đức hung ác, tất sẽ chịu hy sinh tánh mạng. Nhưng, toàn thể quân kháng chiến Pháp đều sung sướng tiến vào Ba Lê, cương quyết và dũng cảm. Điều này cho thấy rõ thêm lòng yêu nước của một dân tộc và *không có gì ngăn cản được chi bất khuất của một dân tộc quyết tâm tiêu diệt quân ngoại bang xâm lược để giải phóng xứ sở.*

— Khi quân Đức tiến chiếm Ba Lê, quân lính của chúng cố bộc lộ một sức mạnh quân sự hùng hậu hùng áp đảo tinh thần dân chúng Ba Lê. Chúng hống hách, ngang tàng, xem Ba Lê như một phần đất đai của chúng, tung hoành ngang dọc, kềm kẹp, áp bức dân Ba Lê như những kẻ nô lệ.

Nhưng khi dân Ba Lê đồng loạt nổi dậy, bất hợp tác với chính phủ bù nhìn Pétain, can đảm đánh du kích ngay giữa thành phố, quân phát xít Đức lại tỏ vẻ hoang mang, lo sợ từng giờ, từng ngày. Dân chúng Pháp đã tạo nên một tình trạng rối ren, căng thẳng, làm cho quân Đức phải nơm nớp lo âu, tìm cách đối phó. Tình trạng rối ren trong nội thành Ba Lê là một yếu tố hỗ trợ cho cuộc tấn công từ

